

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP.HCM
TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			10	11	12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1886	645	630	611
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	98.4	99.2	97.3	98.53
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0.95	0.78	0.79	1.31
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.08	0	0	0.16
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.16	0	0.32	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1886	645	630	611
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	30.6	26.7	31.8	33.6
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	56.6	55.8	54	60.2
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	12.3	17.2	13.3	6.06
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.27	0.31	0.16	0.16
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0.4	0	0.79	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1886	645	630	611
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99	99.2	97.8	100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	30.6	26.7	31.8	33.6
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	56.6	55.8	54	60.2
2	Thi lại: (tỷ lệ so với tổng số)	0.27	0.31	0.16	0.16
3	Lưu ban: (tỷ lệ so với tổng số)	0.4	0	0.79	
4	Chuyển trường đến/đi:	8/18	0/8	8/6	0/4
5	Bị đuổi học: (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học): (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	45	0	0	45
1	Cấp tỉnh/thành phố	45	0	0	45
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	0	0	0	611
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				
VII	Số học sinh học sinh đạt điểm sàn đỗ Đại học (tỷ lệ % so với tổng số)				
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	915/971	330/315	278/252	307/304
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	27	8	12	7

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Trí